TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:12/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 02/03/2022
"V/v tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Tám**

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Thắm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Út Sang** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng***: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng,tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1992. (Có mặt)

Địa chỉ: Xóm 10 , xã DP, huyện DC, tỉnh NA.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn N**, sinh năm 1984. (Anh N vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp MC, xã MT, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/01/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn N tìm hiểu và quen biết nhau, tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng kết kết hôn theo quy định của pháp luật ngày 10/3/2014, tại

UBND xã DP, huyện DC, tỉnh NA. Thời gian sau khi cưới thì vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống; tính tình không hợp nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Mâu thuẫn không hàn gắng được nên vợ chồng đã ly thân với nhau đầu năm 2018 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa vợ chồng, cả hai không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau. Chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được với nhau được nên yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn N.

Về con chung: Chị và anh N chung sống với nhau có 01 người con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 29/6/2014. Khi ly hôn, chị đồng ý giao con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai, chứng cứ và hòa giải nhưng anh N vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 02 năm 2022 bị đơn anh Lê Văn N trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Q về mối quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do đời sống hôn nhân giữa chị Q và Anh Nkhông còn hạnh phúc, đôi bên đã ly thân từ năm 2018 đến nay, hôn nhân chỉ còn trên danh nghĩa, nay vợ anh yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị Q.

- Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bảy của chị Q là vợ chồng chung sống có một người con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 29/6/2014. Hiện con đang sống với anh N, khi ly hôn anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Q giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh N, yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn N có đơn xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án đề ngày 21/02/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và Anh N kết hôn với nhau vào ngày 10/3/2014, có đăng ký tại UBND xã DP, huyện DC, tỉnh NA, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán ở địa phương, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, nên hôn nhân giữa chị Q và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Từ khi hai bên ly thân đến nay cả hai đã bỏ mặc không quan tâm đến nhau dẫn đến chị Q yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn N có ý kiến là đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này của các bên để giải quyết cho chị Q và anh N được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị Q và anh N xác định là trong thời gian chung sống có 01 người con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 29/6/2014. Hiện đang sống với anh N, chị Q đồng ý giao con cho Anh Ntrực tiếp nuôi dưỡng, tại bản tự khai 21/02/2022 cháu A có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha. Do vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này để tiếp tục giao con chung cháu A cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị Q có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

Ghi nhận ý kiến của chị Q và anh N là chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung và nợ: Chị Q và anh N thống nhất xác định là không và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003002 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Q đã nộp đủ tiền án phí vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 55, Điều 58, khoản 2 Điều 81, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn với anh Lê Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị A, sinh ngày 29/6/2014, cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Q có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh N xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003002 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Q đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 02/3/2022), bị đơn anh Lê Văn N vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện U Minh Thượng;*
- *CCTHADS huyện U Minh Thượng;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lư Quốc Thịnh